

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 117/2024/HS-ST
Ngày: 26 - 9 -2024.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Linh
2. Ông Bùi Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 111/2024/HSST, ngày 06 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 114/2024/QĐXXST-HS ngày 13/09/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Thị Kim O - sinh ngày 23 tháng 8 năm 1987, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Khắc X và bà Đỗ Thị T; có chồng là Phan Quang L, sinh năm 1985; bị cáo có 3 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/06/2024, đến ngày 13/06/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà: Lương Thị H; Sinh năm 1985 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã W, huyện E, Đắk Lắk;

Hiện trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

+ Bà: Tô Thị Thúy D; Sinh năm 1996 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Hộ khẩu thường trú: Thôn Th, xã S, huyện E, Đắk Lắk;

Trú tại: Tổ dân phố C1, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

+ Bà: Ngô Thị L; Sinh năm 1991 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
Trú tại: Thôn Th, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;
+ Bà Lù Thị M; Sinh năm 1971 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
Trú tại: Buôn T, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;
+ Bà Quách Thị Bích L; Sinh năm 1972 - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
Trú tại: Tổ dân phố C6, thị trấn Đ, huyện E, Đắk Lắk;
+ Ông Phan Quang L; Vắng mặt;
Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài L có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình sinh sống tại Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhận thấy một số người quen trên địa bàn có nhu cầu vay tiền nhanh, không cần thế chấp tài sản nên Phan Thị Kim O đã nảy sinh ý định cho một số người vay tiền dưới hình thức cho vay tiền đứng hoặc vay tiền góp với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Những người có nhu cầu vay tiền thì O H dẫn người vay đến nhà của mình, yêu cầu ký tên vào một tờ giấy rồi O tự ghi nội dung người vay đã vay tiền, mục đích để khi người vay không trả tiền thì O sẽ căn cứ vào giấy này thu hồi nợ, sau đó đưa tiền cho người vay, giữa O và những người vay tiền thống nhất với nhau sẽ tính lãi và thanh toán tiền lãi vay theo ngày hoặc theo tháng (mỗi tháng tính chẵn 30 ngày). Sau khi vay tiền thì người vay trực tiếp đến gặp O đóng tiền lãi hoặc chuyển tiền đến số tài khoản tại Ngân hàng Sacombank hoặc Ngân hàng Nam Á do O đăng ký chủ tài khoản. Trong thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 6/2024, O đã sử dụng số tiền gốc là 350.000.000 đồng để thực hiện việc cho vay đáo hạn quay vòng dưới hình thức cho vay tiền đứng hoặc vay tiền góp. Sau khi người vay trả tiền cho O, O lại tiếp tục quay vòng sử dụng số tiền trên cho người khác vay hoặc cho chính người vừa đến đáo hạn vay lại nếu có nhu cầu. Khi cho vay, O thỏa thuận cho vay với lãi suất từ 3.652 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất từ 133,33 % đến 365 %/năm. Lãi suất thỏa thuận gấp từ 6,66 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

1. Lương Thị H (sinh năm: 1985, HKTT: Thôn B, xã W, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: TDP C, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk).

Từ ngày 15/01/2022 đến ngày 08/6/2024, H đã vay tiền của O tổng cộng 62 lần với hình thức vay góp khoản vay từ 2.600.000 đồng đến 28.600.000 đồng với lãi suất 187,18%/01 năm; vay đứng 01 lần với số tiền gốc 10.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (365%/01 năm), cụ thể:

Khoản vay góp: Từ ngày 15/01/2022 đến ngày 08/6/2024, Lương Thị H đã vay tiền của O hình thức vay góp:

- Khoản vay 2.600.000 đồng (góp mỗi ngày 100.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền 3.000.000 đồng, trong đó 2.600.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 03 lần, số tiền lãi đã thu là 400.000 đồng x 3 =

1.200.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01 \text{ năm} \times 30 \times 2.600.000 \times 3 = 128.220$ đồng. Số tiền thu lợi bất chính là $1.200.000 \text{ đồng} - 128.220 \text{ đồng} = 1.071.780 \text{ đồng}$;

- Khoản vay 5.200.000 đồng (góp mỗi ngày 200.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền 6.000.000 đồng, trong đó 5.200.000 đồng tiền gốc và 800.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 23 lần, số tiền lãi đã thu là $800.000 \text{ đồng} \times 23 = 18.400.000 \text{ đồng}$. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01 \text{ năm} \times 30 \times 5.200.000 \times 23 = 1.966.017 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính là $18.400.000 \text{ đồng} - 1.966.017 \text{ đồng} = 16.433.983 \text{ đồng}$;

- Khoản vay 10.400.000 đồng (góp mỗi ngày 400.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền 12.000.000 đồng, trong đó 10.400.000 đồng tiền gốc và 1.600.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 02 lần, số tiền lãi đã thu là $1.600.000 \text{ đồng} \times 2 = 3.200.000 \text{ đồng}$. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01 \text{ năm} \times 30 \times 10.400.000 \times 2 = 341.918 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính là $3.200.000 \text{ đồng} - 341.918 \text{ đồng} = 2.858.082 \text{ đồng}$;

- Khoản vay 15.600.000 đồng (góp mỗi ngày 600.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền 18.000.000 đồng, trong đó 15.600.000 đồng tiền gốc và 2.400.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 03 lần, số tiền lãi đã thu là $2.400.000 \text{ đồng} \times 3 = 7.200.000 \text{ đồng}$. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01 \text{ năm} \times 30 \times 15.600.000 \times 3 = 769.314 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính là $7.200.000 \text{ đồng} - 769.314 \text{ đồng} = 6.430.686 \text{ đồng}$;

- Khoản vay 18.200.000 đồng (góp mỗi ngày 700.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền 21.000.000 đồng, trong đó 18.200.000 đồng tiền gốc và 2.800.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 02 lần, trong đó có 01 lần H còn nợ lại 17 ngày chưa góp cho O với số tiền là $17 \times 700.000 \text{ đồng} = 11.900.000 \text{ đồng}$ (10.313.300 đồng tiền gốc và 1.586.700 đồng tiền lãi), số tiền lãi đã thu là $2.800.000 \text{ đồng} + 1.213.300 \text{ đồng} = 4.013.300 \text{ đồng}$. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01 \text{ năm} \times 43 \text{ ngày} = 428.821 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính là $4.013.300 \text{ đồng} - 428.821 \text{ đồng} = 3.584.479 \text{ đồng}$;

- Khoản vay 20.800.000 đồng (góp mỗi ngày 800.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền 24.000.000 đồng, trong đó 20.800.000 đồng tiền gốc và 3.200.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 20 lần, số tiền lãi đã thu là $3.200.000 \text{ đồng} \times 20 = 64.000.000 \text{ đồng}$. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01 \text{ năm} \times 30 \times 20.800.000 \times 20 = 6.838.360 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính là $64.000.000 \text{ đồng} - 6.838.360 \text{ đồng} = 57.161.640 \text{ đồng}$;

- Khoản vay 23.400.000 đồng (góp mỗi ngày 900.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền 27.000.000 đồng, trong đó 23.400.000 đồng tiền gốc và 3.600.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 06 lần, số tiền lãi đã thu là $3.600.000 \text{ đồng} \times 6 = 21.600.000 \text{ đồng}$. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01 \text{ năm} \times 30 \times 23.400.000 \times 6 = 2.307.948 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính là $21.600.000 \text{ đồng} - 2.307.948 \text{ đồng} = 19.292.052 \text{ đồng}$;

- Khoản vay 26.000.000 đồng (góp mỗi ngày 1.000.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền 30.000.000 đồng, trong đó 26.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 02 lần, số tiền lãi đã thu là $4.000.000 \text{ đồng} \times 2 = 8.000.000 \text{ đồng}$. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01 \text{ năm} \times 30 \times$

$26.000.000 \times 2 = 854.794$ đồng. Số tiền thu lợi bất chính là $8.000.000$ đồng - 854.794 đồng = $7.145.206$ đồng;

- Khoản vay $28.600.000$ đồng (góp mỗi ngày $1.100.000$ đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền $33.000.000$ đồng, trong đó $28.600.000$ đồng tiền gốc và $4.400.000$ đồng tiền lãi) 01 lần, số tiền lãi đã thu là $4.400.000$ đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01$ năm $\times 30 \times 28.600.000 = 470.137$ đồng. Số tiền thu lợi bất chính là $4.400.000$ đồng - 470.137 đồng = $3.929.863$ đồng.

Khoản vay đứng: Từ ngày 06/02/2024 đến ngày 26/02/2024, H vay của O số tiền $10.000.000$ đồng bằng hình thức vay đứng với lãi suất 10.000 đồng/ $1.000.000$ đồng tiền vay/ngày ($365\%/01$ năm), O thu tiền lãi 10 ngày một lần, đã thu 02 lần = $2.000.000$ đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01$ năm $\times 10.000.000 \times 20 = 109.589$ đồng. Số tiền thu lợi bất chính là $2.000.000$ đồng - 109.589 đồng = $1.890.411$ đồng;

Tổng cộng Phan Thị Kim O đã thu của Lương Thị H là $134.013.300$ đồng tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định là $14.215.118$ đồng, O thu lợi bất chính số tiền $119.798.182$ đồng. Đến khi bị phát hiện xử lý, H còn nợ O số tiền $11.900.000$ đồng (trong đó nợ $10.313.300$ đồng tiền gốc và $1.586.700$ đồng tiền lãi).

2. Tô Thị Thúy D (sinh năm: 1996, HKTT: Thôn Th, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: TDP C1, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk).

Từ ngày 03/11/2021 đến tháng 12/2023, D đã vay tiền của O tổng cộng 18 lần với hình thức vay góp khoản vay $5.200.000$, lãi suất 800.000 đồng/30 ngày ($187,18\%/01$ năm), vay đứng 01 lần với số tiền gốc $10.000.000$ đồng, lãi suất 5.000 đồng/ $1.000.000$ đồng tiền vay/01 ngày ($182,5\%/01$ năm) thu toàn bộ 01 tháng tiền lãi kể từ ngày vay hoặc đáo hạn, cụ thể:

Khoản vay góp: Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023, Tô Thị Thúy D đã vay tiền của Phan Thị Kim O hình thức vay góp khoản vay $5.200.000$ đồng (góp mỗi ngày 200.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền $6.000.000$ đồng, trong đó $5.200.000$ đồng tiền gốc và 800.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 18 lần, số tiền lãi đã thu là 800.000 đồng $\times 18 = 14.400.000$ đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01$ năm $\times 30 \times 5.200.000 \times 18 = 1.538.630$ đồng. Số tiền thu lợi bất chính là $14.400.000$ đồng - $1.538.630$ đồng = $12.861.370$ đồng.

Khoản vay đứng: Vào ngày 03/11/2021, D vay của O số tiền $10.000.000$ đồng theo hình thức vay đứng với lãi suất là 5.000 đồng/ $1.000.000$ đồng tiền vay/01 ngày, tương đương với $1.500.000$ đồng/tháng ($182,5\%/01$ năm), đóng tiền lãi theo tháng, mỗi tháng tính chẵn là 30 ngày. D đóng tiền lãi cho O từ tháng 11/2021 đến tháng 05/2022 (tổng cộng là 7 tháng) với tổng số tiền lãi là $10.500.000$ đồng. Đến tháng 06/2022, D không có khả năng đóng tiền lãi nữa nên có xin O chỉ tính tiền nợ gốc số tiền $10.000.000$ đồng thì được O đồng ý. Đến nay D vẫn còn nợ O số tiền gốc $10.000.000$ đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01$ năm $\times 30 \times 10.000.000 \times 7 = 1.150.685$ đồng. Số tiền thu lợi bất chính là $10.500.000$ đồng - $1.150.685$ đồng = $9.349.315$ đồng.

Tổng cộng Phan Thị Kim O đã thu của Tô Thị Thúy D số tiền $24.900.000$ đồng tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định là $2.689.315$ đồng, O thu lợi bất chính số tiền $22.210.685$ đồng. Đến khi bị phát hiện xử lý, D còn nợ lại O số

tiền gốc 10.000.000 đồng.

3. Quách Thị Bích L (sinh năm: 1972, HKTT và nơi ở hiện tại: Tổ dân phố C6, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk).

Từ ngày 16/7/2022 đến ngày 28/5/2023, L đã vay tiền của O tổng cộng 16 lần với hình thức vay góp khoản vay từ 2.600.000 đồng đến 5.200.000 đồng với lãi suất 187,18%/01 năm, cụ thể:

- Khoản vay 2.600.000 đồng (góp mỗi ngày 100.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền 3.000.000 đồng, trong đó 2.600.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 03 lần, số tiền lãi đã thu là $400.000 \text{ đồng} \times 3 = 1.200.000 \text{ đồng}$. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01 \text{ năm} \times 30 \times 2.600.000 \times 3 = 128.220 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính là $1.200.000 \text{ đồng} - 128.220 \text{ đồng} = 1.071.780 \text{ đồng}$.

- Khoản vay 5.200.000 đồng (góp mỗi ngày 200.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền 6.000.000 đồng, trong đó 5.200.000 đồng tiền gốc và 800.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 13 lần, số tiền lãi đã thu là $800.000 \text{ đồng} \times 13 = 10.400.000 \text{ đồng}$. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01 \text{ năm} \times 30 \times 5.200.000 \times 13 = 1.111.232 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính là $10.400.000 \text{ đồng} - 1.111.232 \text{ đồng} = 9.288.768 \text{ đồng}$.

Tổng cộng Phan Thị Kim O đã thu của Quách Thị Bích L số tiền 11.600.000 đồng tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định là 1.239.452 đồng, O thu lợi bất chính số tiền 10.360.548 đồng. L đã trả hết số tiền gốc và lãi cho O.

4. Ngô Thị L (sinh năm 1991, HKTT và nơi ở hiện tại: Thôn Th, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk).

Từ ngày 09/6/2022 đến ngày 15/12/2022, L đã vay tiền của O tổng cộng 22 lần với hình thức vay góp khoản vay từ 2.600.000 đồng đến 5.200.000 đồng với lãi suất 187,18%/01 năm, cụ thể:

- Khoản vay 2.600.000 đồng (góp mỗi ngày 100.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền 3.000.000 đồng, trong đó 2.600.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 05 lần, số tiền lãi đã thu là $400.000 \text{ đồng} \times 5 = 2.000.000 \text{ đồng}$. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01 \text{ năm} \times 30 \times 2.600.000 \times 5 = 213.699 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính là $2.000.000 \text{ đồng} - 213.699 \text{ đồng} = 1.786.301 \text{ đồng}$.

- Khoản vay 5.200.000 đồng (góp mỗi ngày 200.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền 6.000.000 đồng, trong đó 5.200.000 đồng tiền gốc và 800.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 17 lần, số tiền lãi đã thu là $800.000 \text{ đồng} \times 17 = 13.600.000 \text{ đồng}$. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/01 \text{ năm} \times 30 \times 5.200.000 \times 17 = 1.453.150 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính là $13.600.000 \text{ đồng} - 1.453.150 \text{ đồng} = 12.146.850 \text{ đồng}$.

Tổng cộng Phan Thị Kim O đã thu của Ngô Thị L số tiền 15.600.000 đồng tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định là 1.666.849 đồng, O thu lợi bất chính số tiền 13.933.151 đồng. L đã trả hết số tiền gốc và lãi cho O.

5. Lù Thị M, sinh năm 1971, HKTT và nơi ở hiện tại: Buôn T, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Từ ngày tháng 01/2022 đến tháng 3/2024, M đã vay tiền của Phan Thị Kim O tổng cộng 17 lần với hình thức vay góp khoản vay 5.400.000 đồng, lãi

suất 133,33%/01 năm, cụ thể:

Vay khoản vay 5.400.000 đồng (góp mỗi ngày 200.000 đồng trong vòng 30 ngày thành số tiền 6.000.000 đồng, trong đó 5.400.000 đồng tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi) tổng cộng 17 lần, đến ngày 01/4/2024 do điều kiện khó khăn không có tiền đóng nên bà M còn nợ lại O 14 ngày chưa góp với số tiền 2.800.000 đồng (2.520.000 đồng tiền gốc, 280.000 đồng tiền lãi). Số tiền lãi đã thu là $600.000 \text{ đồng} \times 16 + 320.000 = 9.920.000 \text{ đồng}$. Lãi suất cao nhất theo quy định là $20\%/\text{năm} \times 30 \times 5.400.000 \times 16 + 47.342 \text{ đồng} = 1.467.000 \text{ đồng}$. Số tiền thu lợi bất chính là $9.920.000 \text{ đồng} - 1.467.000 \text{ đồng} = 8.453.000 \text{ đồng}$. Đến khi bị phát hiện xử lý, M còn nợ O số tiền 2.800.000 đồng (2.520.000 đồng tiền gốc, 280.000 đồng tiền lãi).

Quá trình điều tra xác định, Phan Thị Kim O còn cho một số người khác vay tiền, tuy nhiên mức lãi suất phù hợp với quy định của Nhà nước nên không có căn cứ xử lý.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Phan Thị Kim O đã tự nguyện trả cho bà Quách Thị Bích L số tiền là 10.360.548 đồng, trả cho Ngô Thị L số tiền là 13.933.151 đồng là tiền thu lợi bất chính mà O đã nhận của những người này.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ tài sản và đồ vật gồm: 01 ví da nữ màu nâu xám; 01 ví da nữ màu cà phê sữa; Số tiền 516.790.000 đồng kẹp trong 07 cuốn vở học sinh; 01 tờ giấy ô ly có ghi tên và các con số; 01 cuốn vở ô ly nhãn hiệu Future book, góc bìa phía trên có dòng chữ “TCF” viết bằng mực xanh; 35 mảnh giấy gồm nhiều hình dạng, được đánh số từ 01 đến 35; 01 cuốn sổ bìa màu xanh, kích thước (17x23)cm, bên trong có nhiều trang giấy đã bị xé rời khỏi bìa sổ; 01 cuốn vở ô ly nhãn hiệu Hải Tiến gồm nhiều trang giấy đã bị xé rời, bìa vở có dòng chữ “Super Vip”; 01 túi nylon bên trong có các mảnh vụn giấy bị ngâm nước; 01 cái kéo bằng kim loại, cán màu vàng, dài 19cm; 02 cây đũa gỗ dài 40cm, đầu đũa bị cháy đen, than hóa; 01 cái chậu bằng nhựa màu đỏ, kích thước (40x52x23) cm; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 màu trắng, gắn sim số 0932.585.789; tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen, gắn sim số 0979.126.263 của bị can.

Tại bản Cáo trạng số 104/CT-VKS-HS, ngày 04/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện E để xét xử đối với bị cáo Phan Thị Kim O, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đánh giá về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị Kim O phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5

Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Kim O từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách bằng hai lần mức án đã tuyên.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo với số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao H dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho Phan Thị Kim O 01 ví da nữ màu nâu xám; 01 ví da nữ màu cà phê sữa; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 màu trắng, gắn sim số 0932.585.789 do không liên quan đến việc phạm tội;

- Lưu theo hồ sơ vụ án 01 tờ giấy ô ly có ghi tên và các con số; 01 cuốn vở ô ly nhãn hiệu Future book, góc bìa phía trên có dòng chữ “TCF” viết bằng mực xanh và 35 mảnh giấy gồm nhiều hình dạng được đánh số từ 01 đến 35 là chứng cứ;

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen là công cụ bị cáo sử dụng vào việc cho vay lãi nặng;

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0979.126.263; 07 cuốn vở học sinh bên trong không ghi nội dung; 01 cuốn sổ bìa màu xanh, kích thước (17x23)cm, bên trong có nhiều trang giấy đã bị xé rời khỏi bìa sổ; 01 cuốn vở ô ly nhãn hiệu Hải Tiến gồm nhiều trang giấy đã bị xé rời, bìa vở có dòng chữ “Super Vip”; 01 túi nylon bên trong có các mảnh vụn giấy bị ngâm nước; 01 cái kéo bằng kim loại, cán màu vàng, dài 19cm; 02 cây đũa gỗ dài 40cm, đầu đũa bị cháy đen, than hóa; 01 cái chậu bằng nhựa màu đỏ, kích thước (40x52x23)cm, không còn giá trị sử dụng;

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 327.166.700 đồng tiền gốc và 21.277.734 đồng tiền lãi theo quy định của Nhà nước (20%/năm) mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại cho những người vay, cụ thể: Trả cho Lương Thị H số tiền là 119.798.182 đồng; Tô Thị Thúy D số tiền là 22.210.685 đồng; Lù Thị M số tiền là 8.453.000 đồng;

- Truy thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền nợ gốc mà những người liên quan đã vay của bị cáo nhưng chưa trả hết cho bị cáo, gồm những người sau: Truy thu của Lương Thị H số tiền là 10.313.300 đồng; Tô Thị Thúy D số tiền là 10.000.000 đồng; Lù Thị M số tiền là 2.520.000 đồng.

- Cần chấp nhận việc bị cáo Phan Thị Kim O đã trả lại cho Ngô Thị L số tiền là 13.933.151 đồng; trả lại cho Quách Thị Bích L số tiền 10.360.548 đồng là số tiền Phan Thị Kim O đã thu lợi bất chính từ Ngô Thị L và Quách Thị Bích L.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 516.790.000 đồng Cơ quan điều tra tạm giữ khi khám xét khẩn cấp, để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, mức hình phạt và biện pháp tư pháp mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài L, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về quyết định tố tụng và hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Lương Thị H, Tô Thị Thúy D, Ngô Thị L, Quách Thị Bích L, Lù Thị M đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Phan Quang L vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ. Trong quá trình điều tra và truy tố đã có lời khai của những người này nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về nội dung và tội danh đối với bị cáo: Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài L, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 6/2024, tại Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện E, Phan Thị Kim O đã sử dụng số tiền gốc 350.000.000 đồng, để cho 05 người vay tiền dưới hình thức cho vay tiền đứng hoặc vay tiền góp, với lãi suất từ 133,33%/năm đến 365%/năm để thu lợi bất chính. Tổng số tiền lãi đã thu là 196.033.300 đồng, tổng số tiền lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 21.277.734 đồng, như vậy O đã thu lợi bất chính số tiền là 174.755.566 đồng.

Tại khoản 1, 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm;

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phan Thị Kim O đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Xét thấy, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất cao, vượt quá quy định của nhà nước nhằm thu lợi bất chính là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính và các quan hệ dân sự thông thường, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, nhưng do ý thức xem thường pháp luật, nên bị cáo đã cố ý thực hiện. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, trả lại số tiền thu lợi bất chính cho Quách Thị Bích L và Ngô Thị L, nên áp dụng điểm b, i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở chính sách nhân đạo của pháp luật, cần áp dụng phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Do vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng bằng biện pháp có điều kiện, cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS, cần xử phạt bổ sung bị cáo với số tiền 30.000.000 đồng.

[5]. Về xử lý đồ vật tài L và vật chứng:

- Đối với 01 ví da nữ màu nâu xám; 01 ví da nữ màu cà phê sữa; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 màu trắng, gắn sim số 0932.585.789 do không liên quan đến việc phạm tội nên cần chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho Phan Thị Kim O là chủ sở hữu hợp pháp;

- Đối với 01 tờ giấy ô ly có ghi tên và các con số; 01 cuốn vở ô ly nhãn hiệu Future book, góc bìa phía trên có dòng chữ “TCF” viết bằng mực xanh và 35 mảnh giấy gồm nhiều hình dạng được đánh số từ 01 đến 35 là chứng cứ nên cần lưu theo hồ sơ vụ án;

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen là công cụ bị cáo sử dụng vào việc cho vay lãi nặng cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước;

- Đối với sim số 0979.126.263; 07 cuốn vở học sinh bên trong không ghi nội dung; 01 cuốn sổ bìa màu xanh, kích thước (17x23)cm, bên trong có nhiều trang giấy đã bị xé rời khỏi bìa sổ; 01 cuốn vở ô ly nhãn hiệu Hải Tiến gồm nhiều trang giấy đã bị xé rời, bìa vở có dòng chữ “Super Vip”; 01 túi nylon bên trong có các mảnh vụn giấy bị ngâm nước; 01 cái kéo bằng kim loại, cán màu vàng, dài 19cm; 02 cây đũa gỗ dài 40cm, đầu đũa bị cháy đen, than hóa; 01 cái chậu bằng nhựa màu đỏ, kích thước (40x52x23)cm, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 327.166.700 đồng tiền gốc và 21.277.734 đồng tiền lãi theo quy định của Nhà nước (20%/năm) mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại cho những người vay, cụ thể: Trả cho Lương Thị H số tiền là 119.798.182 đồng; Tô Thị Thúy D số tiền là 22.210.685 đồng; Lù Thị M số tiền là 8.453.000 đồng; Tổng cộng: 150.461.867 đồng.

- Đối với số tiền 516.790.000 đồng Cơ quan điều tra tạm giữ khi khám xét khẩn cấp, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án. Sau khi bị cáo thực hiện xong các nghĩa vụ, nếu số tiền tạm giữ còn thiếu, thì bị cáo có trách nhiệm tiếp tục nộp bổ sung để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Nếu số tiền tạm giữ còn thừa, thì cơ quan Thi hành án Dân sự trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền nợ gốc mà những người liên quan đã vay của bị cáo nhưng chưa trả hết cho bị cáo, gồm những người sau: Lương Thị H số tiền là 10.313.300 đồng; Tô Thị Thúy D số tiền là 10.000.000 đồng; Lù Thị M số tiền là 2.520.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội nên cần truy thu sung Ngân sách Nhà nước;

- Việc bị cáo Phan Thị Kim O đã trả lại cho Ngô Thị L số tiền là 13.933.151 đồng; trả lại cho Quách Thị Bích L số tiền 10.360.548 đồng là số tiền Phan Thị Kim O đã thu lợi bất chính từ Ngô Thị L và Quách Thị Bích L là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị cáo Phan Thị Kim O phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Thị Kim O phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Kim O 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án

treo. Thời hạn thử thách là 20 (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Thị Kim O cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã hưởng án treo.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS xử phạt bổ sung bị cáo với số tiền 30.000.000 đồng.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao H dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho Phan Thị Kim O 01 ví da nữ màu nâu xám; 01 ví da nữ màu cà phê sữa; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 màu trắng, gắn sim số 0932.585.789 do không liên quan đến việc phạm tội;

- Lưu theo hồ sơ vụ án 01 tờ giấy ô ly có ghi tên và các con số; 01 cuốn vở ô ly nhãn hiệu Future book, góc bìa phía trên có dòng chữ “TCF” viết bằng mực xanh và 35 mảnh giấy gồm nhiều hình dạng được đánh số từ 01 đến 35 là chứng cứ của vụ án.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen là công cụ bị cáo sử dụng vào việc cho vay lãi nặng;

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0979.126.263; 07 cuốn vở học sinh bên trong không ghi nội dung; 01 cuốn sổ bìa màu xanh, kích thước (17x23)cm, bên trong có nhiều trang giấy đã bị xé rời khỏi bìa sổ; 01 cuốn vở ô ly nhãn hiệu Hải Tiến gồm nhiều trang giấy đã bị xé rời, bìa vở có dòng chữ “Super Vip”; 01 túi nylon bên trong có các mảnh vụn giấy bị ngâm nước; 01 cái kéo bằng kim loại, cán màu vàng, dài 19cm; 02 cây đũa gỗ dài 40cm, đầu đũa bị cháy đen, than hóa; 01 cái chậu bằng nhựa màu đỏ, kích thước (40x52x23)cm, không còn giá trị sử dụng;

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 327.166.700 đồng tiền gốc và 21.277.734 đồng tiền lãi theo quy định của Nhà nước (20%/năm) mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Truy thu số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại cho những người vay, cụ thể: Trả cho Lương Thị H số tiền là 119.798.182 đồng; Tô Thị Thúy D số tiền là 22.210.685 đồng; Lù Thị M số tiền là 8.453.000 đồng;

- Tiếp tục tạm giữ đối với số tiền 516.790.000 đồng Cơ quan điều tra tạm giữ khi khám xét khẩn cấp, là tài sản của bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án. Sau khi bị cáo thực hiện xong các nghĩa vụ, nếu số tiền tạm giữ còn thiếu, thì bị cáo có trách nhiệm tiếp tục nộp bổ sung để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Nếu số tiền tạm giữ còn thừa, thì cơ quan Thi hành án Dân sự trả lại cho bị cáo.

- Truy thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền nợ gốc mà những người liên quan đã vay của bị cáo nhưng chưa trả hết cho bị cáo, gồm những người sau: Truy thu của Lương Thị H số tiền là 10.313.300 đồng; Tô Thị Thúy D số tiền là 10.000.000 đồng; Lù Thị M số tiền là 2.520.000 đồng.

- Chấp nhận việc bị cáo Phan Thị Kim O đã trả lại cho Ngô Thị L số tiền là 13.933.151 đồng; trả lại cho Quách Thị Bích L số tiền 10.360.548 đồng là số tiền Phan Thị Kim O đã thu lợi bất chính từ Ngô Thị L và Quách Thị Bích L.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thị Kim O phải chịu số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phan Thị Kim O, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Quang L có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện KSND huyện E;
- Bộ phận HSNV CA huyện E;
- Cơ quan THAHS CA huyện E;
- Thi hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Bộ phận thi hành án hình sự Tòa án;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ

Đã ký tên, đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy